UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:2913 /STP-PBGDPL
V/v cung cấp tài liệu tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cấp xã kỳ 1 và kỳ 2 tháng 11 năm 2019

Quảng Bình, ngày 4 tháng11 năm 2019

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố
- Hội đồng phối hợp PBGDPL các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, Công văn số 209/STP-PBGDPL ngày 15/02/2017 của Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh về việc cung cấp tài liệu tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cấp xã, nay Sở Tư pháp phát hành tài liệu kỳ 1 và kỳ 2 của tháng 11/2019 với nội dung:

- MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI;

- MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG NHIỄM VI RÚT GÂY RA HỘI CHỨNG SUY GIẢM MIỄN DỊCH MẮC PHẢI Ở NGƯỜI (HIV/AIDS).

Bản ghi âm tài liệu được gửi qua thư điện tử công vụ của Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố. Bản đánh máy của tài liệu được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp Quảng Bình www.stp.quangbinh.gov.vn - *Mục Phổ biến giáo dục pháp luật* và *Mục Tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật*, đề nghị các địa phương chỉ đạo Phòng Tư pháp khai thác bản ghi âm gửi Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn để phát trên hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở và khai thác bản giấy để tuyên truyền theo các hình thức phù hợp khác.

Kính đề nghị UBND, Hội đồng phối hợp PBGDPL các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng Tư pháp và các đơn vị, địa phương liên quan sử dụng trong thời lượng và thời gian phù hợp. Đồng thời thực hiện phản ánh thông tin về nội dung, chất lượng, cách thức để nhiệm vụ PBGDPL nói chung và PBGDPL qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở nói riêng ngày càng đạt hiệu quả cao.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ PBGDPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đài PTTH tỉnh Quảng Bình;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Sở;
- Lưu VT, PBGDPL(2).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Sở Tư Pháp
Tỉnh Quảng Bình
04/11/2019 15:04:38

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH QUẢNG BÌNH

Nguyễn Minh Tâm

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN TRÊN HỆ THỐNG LOA TRUYỀN THANH CƠ SỞ

KỲ 1

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

I. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC BÌNH ĐẲNG GIỚI

Theo Điều 4 và Điều 6 của Luật Bình đẳng giới quy định:

Mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới

- Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

- Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.

- Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

- Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

- Bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.

- Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân.

II. CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Theo Điều 7 của Luật Bình đẳng giới quy định những chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới như sau:

- Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển.

- Bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ; tạo điều kiện để nam, nữ chia sẻ công việc gia đình.

- Áp dụng những biện pháp thích hợp để xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu cản trở thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới.

- Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ những điều kiện cần thiết để nâng chỉ số phát triển giới đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương mà chỉ số phát triển giới thấp hơn mức trung bình của cả nước.

III. CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM

Theo Điều 10 của Luật Bình đẳng giới quy định ác hành vi sau bị nghiêm cấm*:*

- Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới.

- Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.

- Bạo lực trên cơ sở giới.

- Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

IV. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIA ĐÌNH

Theo Điều 18 của Luật Bình đẳng giới quy định nội dung bình đẳng giới trong gia đình như sau:

- Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

- Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.

- Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

- Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

- Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA GIA ĐÌNH, CÔNG DÂN

Theo Điều 33 và Điều 34 Luật Bình đẳng giới quy định trách nhiệm của gia đình và công dân như sau:

- Trách nhiệm của Gia đình:

+ Tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình nâng cao nhận thức, hiểu biết và tham gia các hoạt động về bình đẳng giới.

+ Giáo dục các thành viên có trách nhiệm chia sẻ và phân công hợp lý công việc gia đình.

+ Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện làm mẹ an toàn.

+ Đối xử công bằng, tạo cơ hội như nhau giữa con trai, con gái trong học tập, lao động và tham gia các hoạt động khác.

- Công dân nam, nữ có trách nhiệm sau đây:

+ Học tập nâng cao hiểu biết, nhận thức về giới và bình đẳng giới;

+ Thực hiện và hướng dẫn người khác thực hiện các hành vi đúng mực về bình đẳng giới;

+ Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới;

+ Giám sát việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới của cộng đồng, của cơ quan, tổ chức và công dân.

VI. TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Theo Điều 38 Luật Bình đẳng giới quy định việc tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới như sau:

- Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

- Việc tố cáo, giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

VII. NGUYÊN TẮC XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM

Theo Điều 39 Luật Bình đẳng giới quy định nguyên tắc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới: Mọi hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Việc xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để theo đúng quy định của pháp luật.

VIII. CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

Theo Điều 40 của Luật Bình đẳng giới quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế

1. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm:

- Cản trở việc nam hoặc nữ tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp vì định kiến giới;

- Không thực hiện hoặc cản trở việc bổ nhiệm nam, nữ vào cương vị quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;

- Đặt ra và thực hiện quy định có sự phân biệt đối xử về giới trong các hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc trong quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

2. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm:

- Cản trở nam hoặc nữ thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động kinh doanh vì định kiến giới;

- Tiến hành quảng cáo thương mại gây bất lợi cho các chủ doanh nghiệp, thương nhân của một giới nhất định.

3. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động bao gồm:

- Áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động nam và lao động nữ đối với cùng một công việc mà nam, nữ đều có trình độ và khả năng thực hiện như nhau, trừ trường hợp áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới;

- Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế lao động, sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;

- Phân công công việc mang tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ dẫn đến chênh lệch về thu nhập hoặc áp dụng mức trả lương khác nhau cho những người lao động có cùng trình độ, năng lực vì lý do giới tính;

- Không thực hiện các quy định của pháp luật lao động quy định riêng đối với lao động nữ.

4. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm:

- Quy định tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh khác nhau giữa nam và nữ;

- Vận động hoặc ép buộc người khác nghỉ học vì lý do giới tính;

- Từ chối tuyển sinh những người có đủ điều kiện vào các khóa đào tạo, bồi dưỡng vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;

- Giáo dục hướng nghiệp, biên soạn và phổ biến sách giáo khoa có định kiến giới.

5. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ bao gồm:

- Cản trở nam, nữ tham gia hoạt động khoa học, công nghệ;

- Từ chối việc tham gia của một giới trong các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ.

6. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao bao gồm:

- Cản trở nam, nữ sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn và tham gia các hoạt động văn hóa khác vì định kiến giới;

- Sáng tác, lưu hành, cho phép xuất bản các tác phẩm dưới bất kỳ thể loại và hình thức nào để cổ vũ, tuyên truyền bất bình đẳng giới, định kiến giới;

- Truyền bá tư tưởng, tự mình thực hiện hoặc xúi giục người khác thực hiện phong tục tập quán lạc hậu mang tính phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.

7. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế bao gồm:

- Cản trở, xúi giục hoặc ép buộc người khác không tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe vì định kiến giới;

- Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức hoặc xúi giục, ép buộc người khác phá thai vì giới tính của thai nhi.

IX. CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIA ĐÌNH

Theo Điều 41 của Luật Bình đẳng giới quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình bao gồm:

- Cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.

- Không cho phép hoặc cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiến giới.

- Đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.

- Hạn chế việc đi học hoặc ép buộc thành viên trong gia đình bỏ học vì lý do giới tính.

- Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định.

X. CÁC HÌNH THỨC XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Theo Điều 42 của Luật Bình đẳng giới quy định các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới như sau:

1. Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN TRÊN HỆ THỐNG LOA TRUYỀN THANH CƠ SỞ

KỲ 2

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG NHIỄM VI RÚT GÂY RA HỘI CHỨNG SUY GIẢM MIỄN DỊCH MẮC PHẢI Ở NGƯỜI (HIV/AIDS)

I. NGUYÊN TẮC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

Theo Điều 3 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định nguyên tắc phòng, chống HIV/AIDS được quy định như sau:

- Kết hợp các biện pháp xã hội và biện pháp chuyên môn kỹ thuật y tế trong phòng, chống HIV/AIDS trên nguyên tắc lấy phòng ngừa là chính, trong đó thông tin, giáo dục, truyền thông nhằm thay đổi hành vi là biện pháp chủ yếu.

- Thực hiện việc phối hợp liên ngành và huy động xã hội trong phòng, chống HIV/AIDS; lồng ghép các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ phòng, chống HIV/AIDS với phòng, chống ma tuý, mại dâm, chú trọng triển khai các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV.

- Không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ; tạo điều kiện để người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ tham gia các hoạt động xã hội, đặc biệt là các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI NHIỄM HIV

Theo Điều 4 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định người nhiễm hiv có quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Người nhiễm HIV có các quyền sau đây:

- Sống hòa nhập với cộng đồng và xã hội;

- Được điều trị và chăm sóc sức khoẻ;

- Học văn hoá, học nghề, làm việc;

- Được giữ bí mật riêng tư liên quan đến HIV/AIDS;

- Từ chối khám bệnh, chữa bệnh khi đang điều trị bệnh AIDS trong giai đoạn cuối;

- Các quyền khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Người nhiễm HIV có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm HIV sang người khác;

- Thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính của mình cho vợ, chồng hoặc cho người chuẩn bị kết hôn với mình biết;

- Thực hiện các quy định về điều trị bằng thuốc kháng HIV;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

III. TRÁCH NHIỆM TRONG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

Theo Điều 5 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định trách nhiệm trong phòng, chống HIV/AIDS

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hành động về phòng, chống HIV/AIDS.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS; tham gia và giám sát thực hiện biện pháp phòng, chống HIV/AIDS; tổ chức, thực hiện phong trào hỗ trợ về vật chất, tinh thần đối với người nhiễm HIV.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS.

- Gia đình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS.

IV. CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

Theo Điều 6 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS Nhà nước có những **c**hính sách như sau:

- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hợp tác, giúp đỡ dưới mọi hình thức trong phòng, chống HIV/AIDS; phát triển các mô hình tự chăm sóc của người nhiễm HIV.

- Hỗ trợ sản xuất thuốc kháng HIV trong nước; thực hiện các biện pháp giảm giá thuốc kháng HIV.

- Khuyến khích doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức đào tạo và tuyển dụng người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ vào làm việc hoặc đầu tư nguồn lực vào phòng, chống HIV/AIDS.

- Huy động sự tham gia của toàn xã hội, sự đóng góp về tài chính, kỹ thuật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong phòng, chống HIV/AIDS.

- Huy động và điều phối các nguồn lực cho phòng, chống HIV/AIDS phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và tình hình dịch HIV/AIDS của đất nước trong từng giai đoạn.

- Hỗ trợ nghiên cứu khoa học, trao đổi và đào tạo chuyên gia, chuyển giao kỹ thuật trong phòng, chống HIV/AIDS.

- Hỗ trợ phòng, chống lây nhiễm HIV từ mẹ sang con, nuôi dưỡng trẻ em dưới 6 tháng tuổi sinh ra từ người mẹ nhiễm HIV bằng sữa thay thế và bệnh nhân AIDS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Điều trị, chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

V. NHỮNG HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM

Theo Điều 8 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định những hành vi sau bị nghiêm cấm

- Cố ý lây truyền hoặc truyền HIV cho người khác.

- Đe dọa truyền HIV cho người khác.

- Kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV.

- Cha, mẹ bỏ rơi con chưa thành niên nhiễm HIV; người giám hộ bỏ rơi người được mình giám hộ nhiễm HIV.

- Công khai tên, địa chỉ, hình ảnh của người nhiễm HIV hoặc tiết lộ cho người khác biết việc một người nhiễm HIV khi chưa được sự đồng ý của người đó, trừ trường hợp quy định tại Điều 30 của Luật này.

- Đưa tin bịa đặt về nhiễm HIV đối với người không nhiễm HIV.

- Bắt buộc xét nghiệm HIV, trừ trường hợp quy định tại Điều 28 của Luật này.

- Truyền máu, sản phẩm máu, ghép mô, bộ phận cơ thể có HIV cho người khác.

- Từ chối khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh vì biết hoặc nghi ngờ người đó nhiễm HIV.

- Từ chối mai táng, hoả táng người chết vì lý do liên quan đến HIV/AIDS.

- Lợi dụng hoạt động phòng, chống HIV/AIDS để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi trái pháp luật.

- Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

VI. PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS TẠI GIA ĐÌNH VÀ NƠI LÀM VIỆC

Theo Điều 13 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định việc phòng, chống HIV/AIDS tại gia đình như sau:

- Gia đình có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục cho các thành viên trong gia đình về phòng, chống HIV/AIDS, chủ động thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm HIV.

- Khuyến khích tự nguyện xét nghiệm HIV đối với người trước khi kết hôn, dự định có con, phụ nữ mang thai.

- Gia đình của người nhiễm HIV có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, động viên tinh thần giúp người nhiễm HIV sống hoà nhập với gia đình, cộng đồng và xã hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cộng đồng trong phòng, chống HIV/AIDS.

Theo Điều 14 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định việc phòng, chống HIV/AIDS tại nơi làm việc như sau:

a) Người sử dụng lao động có các trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS, chống kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV trong cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân;

- Bố trí công việc phù hợp với sức khỏe và trình độ chuyên môn của người lao động nhiễm HIV;

- Tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS;

- Các trách nhiệm khác về phòng, chống HIV/AIDS theo quy định của pháp luật.

b) Người sử dụng lao động không được có các hành vi sau đây:

- Chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc gây khó khăn trong quá trình làm việc của người lao động vì lý do người lao động nhiễm HIV;

- Ép buộc người lao động còn đủ sức khỏe chuyển công việc mà họ đang đảm nhiệm vì lý do người lao động nhiễm HIV;

- Từ chối nâng lương, đề bạt hoặc không bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động vì lý do người lao động nhiễm HIV;

- Yêu cầu xét nghiệm HIV hoặc xuất trình kết quả xét nghiệm HIV đối với người dự tuyển lao động, từ chối tuyển dụng vì lý do người dự tuyển lao động nhiễm HIV, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này.

VII. PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Theo Điều 17 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định việc phòng, chống HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư như sau:

a) Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn có các trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư, giáo dục sự thương yêu, đùm bọc đối với người nhiễm HIV, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, họ tộc, quê hương, bản sắc văn hoá dân tộc của người Việt Nam;

- Tổ chức chăm sóc, hỗ trợ người nhiễm HIV và gia đình họ, tạo điều kiện cho người nhiễm HIV sống hòa nhập với cộng đồng và xã hội;

- Phát huy vai trò của các tổ trưởng dân phố, trưởng cụm dân cư, trưởng thôn, già làng, trưởng bản, trưởng làng, trưởng ấp, trưởng phum, trưởng sóc, trưởng ban công tác mặt trận, trưởng các dòng họ, trưởng tộc, các chức sắc tôn giáo, người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng trong việc vận động nhân dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS;

- Xây dựng và phát triển mô hình gia đình văn hóa, tổ dân phố, cụm dân cư, thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc gắn với việc phòng, chống HIV/AIDS;

- Tuyên truyền chống kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ.

b) Tổ dân phố, cụm dân cư, thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc có các trách nhiệm sau đây:

- Tuyên truyền, vận động và giáo dục các gia đình trên địa bàn tham gia và thực hiện các quy định về phòng, chống HIV/AIDS;

- Lồng ghép hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào phong trào quần chúng, hoạt động thể thao, văn hoá, văn nghệ tại cộng đồng và các hoạt động xã hội khác;

- Đấu tranh chống kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ.

c) Nhà nước khuyến khích dòng họ, hàng xóm, bạn của người nhiễm HIV động viên về tinh thần, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho người nhiễm HIV sống hòa nhập với cộng đồng và xã hội.

VIII. TƯ VẤN VỀ PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

Theo Điều 22 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định việc tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS

- Mọi người có quyền tiếp cận với dịch vụ tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.

- Các cơ sở y tế có trách nhiệm tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.

Điều kiện thành lập và nội dung hoạt động của tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

- Việc tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS trước và sau khi xét nghiệm HIV thực hiện theo quy định sau:

+ Các trường hợp xét nghiệm HIV đều phải được tư vấn trước và sau khi xét nghiệm HIV.

+ Cơ sở xét nghiệm HIV có trách nhiệm tổ chức việc tư vấn trước và sau khi xét nghiệm HIV.

+ Chỉ những người đã được tập huấn về tư vấn phòng, chống HIV/AIDS mới được thực hiện việc tư vấn trước và sau khi xét nghiệm HIV.